**TÓM TẮT**

Pegmatit khu vực Kon Tum phân bố trên đới nâng từ sông Đắk Bra đến đèo Măng Đen, định hướng Đông Bắc – Tây Nam, xuyên cắt qua các đá thuộc phức hệ Khâm Đức, Bến Giằng – Quế Sơn và Hải Vân. Thân khoáng rộng vài mét đến vài chục mét, dài 50 m – 1 km; màu trắng sữa đến phớt hồng, gồm feldspar (80%) và thạch anh (20%), rất ít khoáng vật màu. Đá vây quanh gồm amphibolit, pyroxenit, gneiss biotit, granit và granit aplit.

Phân tích hóa học cho thấy SiO2 trung bình 72,46%, Al2O3 14,58%, tổng kiềm 9,74%, K2O/Na2O trung bình 3,36, Fe tổng 0,33%, mất khi nung 1%, A/CNK 1,19. Pegmatit thuộc loại kiềm – cao kiềm, giàu kali (shoshonitic kali).

Trên biểu đồ phân loại, pegmatit Kon Tum có đặc điểm S-granit, nhiệt độ thành tạo thấp, thuộc bối cảnh va chạm mảng, giàu Cs, Rb, Ba, nghèo đất hiếm, chỉ số europium dương, nguồn magma gần gũi vật chất vỏ và kết tinh trong môi trường oxy hóa.

Kết quả định tuổi xác định ba giai đoạn thành tạo: 448 Ma (Ordovic), 270 Ma và 248 Ma (Permi– Trias), trong đó giai đoạn 248 Ma chiếm chủ yếu. Các giá trị đồng vị Lu–Hf (^176Lu/^177Hf: 0,0004–0,0252; ^176Hf/^177Hf: 0,2802–0,2824; ɛHf(t): –85,3 đến –4,5) cho thấy nguồn magma chủ yếu từ vỏ hoặc tái nóng chảy vỏ, có cùng nguồn với granit phức hệ Hải Vân.

Đánh giá chất lượng cho thấy pegmatit Kon Tum đạt tiêu chuẩn TCVN 6598-2000 cho nguyên liệu gốm sứ. Thử nghiệm phối trộn công nghệ cho kết quả tương đương hoặc tốt hơn pegmatit Phú Thọ và nguyên liệu đang dùng tại nhà máy, khẳng định tiềm năng khai thác làm nguyên liệu gốm sứ chất lượng cao.